

Bản án số: 67/2021/HS-ST
Ngày: 21-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại
Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Thị D, sinh năm 2001. Giới tính: nữ;

ĐKHKT và nơi cư trú: Thôn TT, thị trấn TC, huyện PC, tỉnh HY; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Khắc Trung, sinh năm 1974; Con bà Trần Thị Thanh, sinh năm 1980; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con cả; chồng: Nguyễn Ngọc Thoại, sinh năm 1990; con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2020, Nguyễn Thị D đăng ký học lớp tiếng Nhật tại trung tâm Vinacom thuộc Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Vinacom đóng tại Hà Nội. Theo D khai, quá trình theo học tại đây D đã quen và nảy sinh

tình cảm yêu đương với Trần Đức Nguyên, sinh năm 2001, có địa chỉ: tỉnh Hà Tĩnh cũng là học viên học tại trung tâm. Trong thời gian yêu nhau, D đã cung cấp tài khoản, mật khẩu facebook “Nguyễn D” của mình cho Nguyên để cùng nhau sử dụng chung. Khoảng cuối tháng 3/2020, Nguyên đã dùng tài khoản facebook “Nguyễn D” nhắn tin giao dịch đặt mua tiền giả của tài khoản facebook “Song Long Tài Chính” do Nguyễn Văn Tác, sinh năm 1996 và Vũ Thị Nhài, sinh năm 1995 cùng trú tại xóm 16 xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định quản lý, sử dụng. Quá trình giao dịch Nguyên đặt mua của Tác, Nhài 3.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng theo tỷ lệ 1:6 (một triệu đồng tiền thật mua được 06 triệu đồng tiền giả).

Hình thức giao dịch: tiền giả được Tác, Nhài đóng vào hộp bưu kiện chuyển qua đường bưu điện thông qua dịch vụ giao hàng COD. Tác, Nhài thiết kế hộp hai ngăn, ngăn lớn dùng để mực xăm với mục đích ngụy trang tránh sự phát hiện của nhân viên bưu điện khi kiểm tra, ngăn nhỏ để tiền giả và dán kín.

Sau khi đặt mua tiền giả, Nguyên trao đổi với D xin địa chỉ của D ở tỉnh Hưng Yên làm nơi nhận bưu kiện và nhờ D nhận giúp. Nguyên chỉ nói với D là bưu kiện có mực xăm mà không nói có tiền giả nên D đồng ý nhận và cung cấp địa chỉ của mình là: Phố Cao, thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Sau đó Nguyên còn dặn D khi nào có bưu tá gọi vào số 0925.754.498 của D thì đi nhận bưu kiện và thanh toán tiền mua hàng giúp Nguyên.

Ngày 02-4-2020, D đang ở nhà thì nhận được điện thoại của bưu tá Phan Thị Phíp gọi báo đến ngã tư Phố Cao để nhận bưu kiện. Tại đây D được bưu tá phát cho một hộp bưu kiện có mã bưu kiện EC427457435VN, trên vỏ hộp có ghi thông tin người nhận là Nguyễn Thị D, địa chỉ: Phố Cao, thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, SĐT 0925.754.498, tên mặt hàng ghi “Mực xăm”. Thông tin người gửi do không để ý nên D không nhớ. Sau khi nhận bưu kiện, D đã thanh toán cho bưu tá 533.000 đồng (trong đó 500.000 đồng là tiền mua hàng và 33.000 đồng là phí vận chuyển) rồi mang hộp bưu kiện về nhà, báo lại cho Nguyên biết. Lúc này Nguyên mới nói trong bưu kiện có chứa cả tiền giả và chỉ dẫn cho D cách lấy tiền giả trong hộp bưu kiện ra cất giấu giúp, Nguyên sẽ xuống lấy sau. Theo chỉ dẫn của Nguyên, D mở bưu kiện và lấy được 06 tờ tiền giả cùng mệnh giá 500.000 đồng sao đó cất giấu dưới chiếu giường ngủ của D tại địa chỉ: Thôn TT, thị trấn TC, huyện PC, tỉnh HY chờ Nguyên xuống lấy; còn mực xăm và vỏ hộp bưu kiện D vứt bỏ. Chờ mãi không thấy Nguyên xuống lấy tiền, trong thời gian này giữa D và Nguyên xảy ra mâu thuẫn về tình cảm nên cả hai đã chia tay. D tiếp tục lên Hà Nội học tiếng Nhật, số tiền giả vẫn được D cất giấu dưới chiếu giường ngủ của mình. Khi dọn nhà, ông Nguyễn Khắc Trung (là bố đẻ của D) phát hiện dưới chiếu giường ngủ của D có 06 tờ tiền giả nên đã đốt hết toàn bộ số tiền này. Ngoài ra, ông Trung cũng

nói chuyện phát hiện thấy tiền giả của D cho vợ là bà Trần Thị Thanh biết. D khai, việc giao dịch mua tiền giả là do Nguyễn thực hiện, D chỉ là người thanh toán tiền, nhận hộ bưu kiện sau đó cất giấu tiền giả giúp Nguyễn.

Tuy nhiên, với những thông tin về Trần Đức Nguyễn mà Nguyễn Thị D cung cấp, cơ quan ANĐT đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người tên Nguyễn. Do đó không đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị D có hành vi lưu hành tiền giả.

Bản cáo trạng số 41/CTr-VKS- P1 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Nguyễn Thị D về tội “Tàng trữ tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo trình bày: Bị cáo bị truy tố về tội “Tàng trữ tiền giả” như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, không oan. Đến nay bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, hiện bị cáo đang mang thai, gia đình có hoàn cảnh khó khăn mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Tàng trữ tiền giả”

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Miễn hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập; phù hợp với lời khai của người làm chứng, có đủ cơ sở kết luận:

Năm 2020, Nguyễn Thị D và Trần Đức Nguyên, sinh năm 2001, có địa chỉ ở tỉnh Hà Tĩnh cùng đăng ký học lớp tiếng Nhật tại trung tâm Vinacom thuộc Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Vinacom đóng tại Hà Nội. Giữa D với Nguyên có quan hệ tình cảm yêu đương. Trong thời gian yêu nhau, D đã cung cấp tài khoản, mật khẩu facebook “Nguyễn D” của mình cho Nguyên để cùng nhau sử dụng chung. Khoảng cuối tháng 3/2020, Nguyên đã dùng tài khoản facebook “Nguyễn D” nhắn tin giao dịch đặt mua tiền giả của tài khoản facebook “Song Long Tài Chính” do Nguyễn Văn Tác, sinh năm 1996 và Vũ Thị Nhài, sinh năm 1995 (cùng trú tại xóm 16 xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định) quản lý, sử dụng. Quá trình giao dịch Nguyên đặt mua của Tác, Nhài 3.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng. Sau khi đặt mua tiền giả, Nguyên trao đổi và xin địa chỉ của D nhờ D nhận giúp. Nguyên chỉ nói với D là bưu kiện có mực xăm mà không nói có tiền giả. Sau khi nhận bưu kiện, D báo lại cho Nguyên biết, lúc này Nguyên mới nói trong bưu kiện có chứa cả tiền giả và chỉ dẫn cho D cách lấy tiền giả trong hộp bưu kiện ra cất giấu giúp, Nguyên sẽ xuống lấy sau. Sau đó giữa D và Nguyên xảy ra mâu thuẫn về tình cảm nên cả hai chia tay. D tiếp tục lên Hà Nội học tiếng Nhật, số tiền giả vẫn được D cất giấu dưới chiếu giường ngủ của mình. Khi dọn nhà, ông Nguyễn Khắc Trung (là bố đẻ của D) phát hiện dưới chiếu giường ngủ của D có 06 tờ tiền giả nên đã đốt hết toàn bộ số tiền này.

Như vậy, Nguyễn Thị D đã có hành vi cất giấu 3.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng tại nhà ở của mình. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ tiền giả” theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm sự độc quyền quản lý tài chính của Nhà nước thông qua việc phát hành tiền tệ; gây tác hại lớn đến việc lưu thông tiền tệ trong thị trường; gây bất ổn cho nền kinh tế và gây mất trật tự trị an. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Nguyễn Thị D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của mình; hiện bị cáo đang mang thai; bố bị cáo có đơn đề nghị và đơn có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; đối chiếu với Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Xét không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho người phạm tội có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ tiền giả nhưng chưa tiêu thụ, chưa được hưởng lợi gì từ việc tàng trữ tiền giả; bị cáo đang mang thai và không có công ăn việc làm. Do vậy, không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng thu giữ của bị cáo, bị cáo sử dụng để liên lạc nhưng không có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với hành vi vi phạm của Nguyễn Văn Tác và Vũ Thị Nhài đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và Toà án nhân dân tỉnh Nam Định đã mở phiên toà xét xử sơ thẩm vào ngày 15-4-2021.

Đối với đối tượng tên Nguyên là người đã nhờ D nhận hộ bưu kiện trong có 3.000.000 đồng tiền giả mua của Nguyễn Văn Tác và Vũ Thị Nhài. Do không xác định được địa chỉ cụ thể nên không thể xác minh làm rõ được.

Đối với ông Nguyễn Khắc Trung và bà Trần Thị Thanh là bố, mẹ đẻ của bị cáo, khi phát hiện bị cáo tàng trữ tiền giả đã kịp thời, chủ động ngăn chặn. Không có căn cứ xác định đồng phạm với Nguyễn Thị D. Hành vi của ông Trung, bà Thanh có dấu hiệu phạm tội “Không tố giác tội phạm” theo Điều 390

Bộ luật hình sự nhưng được loại trừ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Tàng trữ tiền giả”.

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 207; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho UBND thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết cụ thể theo biên bản giao, nhận tài sản thi hành án số 41/21 ngày 06-5-2021 giữa phòng PA09 - Công an tỉnh Nam Định với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị D phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo bị cáo Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- UBND TT. Trần Cao, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng.

